

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN XX

### Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 2

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người phạm bốn trọng cấm, bài báng kinh Phương Đẳng, tạo tội ngũ nghịch, Nhất-xiển-đề v.v... mà có Phật tánh thì những người đó tại sao lại đọa vào địa ngục? Thưa Thế Tôn! Giả sử những người này có Phật tánh thì sao lại nói rằng họ không có thường, lạc, ngã, tịnh? Bạch Thế Tôn! Nếu đoạn dứt thiện căn gọi là Nhất-xiển-đề thì khi đoạn thiện căn sao chẳng đoạn Phật tánh? Phật tánh nếu đoạn thì sao nói thường, lạc, ngã, tịnh? Như Phật tánh chẳng đoạn thì vì sao gọi là Nhất-xiển-đề? Thưa Thế Tôn! Phạm bốn trọng cấm gọi là bất định. Bài báng kinh Phương Đẳng, tạo tội ngũ nghịch và Nhất-xiển-đề đều gọi là bất định. Những loại như vậy, nếu quyết định thì làm sao được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi cũng gọi là bất định. Nếu từ Tu-đà-hoàn đến Phật-bích-chi là quyết định thì cũng chẳng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thưa Thế Tôn! Nếu người phạm bốn trọng cấm là bất định thì từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi cũng bất định. Bất định như vậy thì chư Phật Như Lai cũng lại bất định. Nếu Phật bất định thì thể tánh Niết-bàn cũng lại bất định, đến tất cả các pháp cũng lại bất định. Sao gọi là bất định? Nếu Nhất-xiển-đề trừ Nhất-xiển-đề thì thành Phật đạo. Chư Phật Như Lai lẽ ra cũng như vậy, vào Niết-bàn rồi thì đáng lẽ cũng nên trở ra, chẳng vào Niết-bàn. Nếu như vậy thì tánh của Niết-

bàn là bất định, vì bất định nên phải biết không có thường, lạc, ngã, tịnh thì sao nói Nhất-xiển-đề v.v... sẽ được Niết-bàn?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Vì muốn tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh, khiến cho họ được an vui, thương xót nhớ nghĩ các thế gian, vì muốn tăng thêm chư Bồ-tát phát tâm Bồ-đề nên ông đã đặt câu hỏi như vậy. Này thiện nam! Ông đã gần gũi vô lượng chư Phật Thế Tôn đời quá khứ, ở chỗ chư Phật ấy gieo trồng các căn lành. Ông đã thành tựu công đức Bồ-đề lâu rồi, đã hàng phục chúng ma khiến cho chúng tan rã. Ông đã giáo hóa vô lượng vô biên chúng sinh đều khiến cho họ được đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ông đã thông đạt tạng bí mật thâm diệu của chư Phật Như Lai lâu rồi, đã hỏi nghĩa vi mật thâm diệu như vậy với vô lượng vô biên hàng hà sa số chư Phật Thế Tôn đời quá khứ. Ta chẳng thấy tất cả thế gian, hoặc trời, hoặc người, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc ma, hoặc Phạm v.v ... có thể thưa hỏi Như Lai về nghĩa này. Hôm nay ông phải thành tâm lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói. Này thiện nam! Nhất-xiển-đề cũng bất định. Nếu quyết định thì Nhất-xiển-đề này trọn chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà do bất định nên có thể được. Như lời ông hỏi, Phật tánh chẳng đoạn thì làm sao Nhất-xiển-đề đoạn thiện căn? Này thiện nam! Thiện căn có hai thứ, một là nội, hai là ngoại. Phật tánh chẳng phải nội, chẳng phải ngoại. Do nghĩa này nên Phật tánh chẳng đoạn. Thiện căn lại có hai thứ, một là hữu lậu, hai là vô lậu. Phật tánh chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu. Vậy nên Phật tánh chẳng đoạn. Thiện căn lại có hai thứ, một là thường, hai là vô thường. Phật tánh chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Vậy nên Phật tánh chẳng đoạn. Nếu là đoạn được thì lẽ ra trở lại được, nếu chẳng trở lại được thì gọi là chẳng đoạn. Nếu đoạn rồi thì gọi là Nhất-xiển-đề. Phạm bốn trọng cấm cũng là bất định. Nếu quyết định thì phạm bốn trọng cấm nhất định chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bài báng kinh Phương Đẳng cũng lại bất định. Nếu quyết định thì người bài báng chánh pháp nhất định chẳng thể được

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tạo tội ngũ nghịch cũng lại bất định. Nếu quyết định thì người tạo tội ngũ nghịch nhất định chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sắc và tướng của sắc cả hai đều bất định. Tướng của hương, vị, xúc, tướng của sinh cho đến tướng của vô minh, tướng của ấm, giới, nhập, tướng của hai mươi lăm hữu, bốn loài chúng sinh cho đến tất cả các pháp cũng đều bất định. Nay thiện nam! Ví như nhà huyền thuật, ở trong đại chúng hóa làm bốn thứ binh là xe, bộ, voi, ngựa, tạo tác những chuỗi ngọc, đồ trang sức nơi thân, tạo ra thành ấp, xóm làng, núi rừng, cây cối, suối ao, sông giếng. Ở trong chúng đó có các tiểu nhi, không có trí tuệ, khi nhìn thấy những thứ đó đều cho là thật. Kể trí trong chúng ấy biết những thứ kia là hư dối, do sức huyền thuật nên mê hoặc mất người. Nay thiện nam! Tất cả phàm phu cho đến Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... đối với tất cả pháp thấy có định tướng cũng như vậy. Chư Phật Bồ-tát đối với tất cả pháp không thấy định tướng. Nay thiện nam! Ví như đứa trẻ con vào mùa hè khi thấy sóng nắng dợn thì gọi đó là nước. Người có trí đối với sóng nắng này nhất định chẳng sinh ra tư tưởng nước thật mà chỉ là sóng nắng làm làm lóa mắt người chẳng phải thật là nước. Tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác thấy tất cả các pháp cũng như vậy, đều cho là thật. Chư Phật, Bồ-tát đối với tất cả pháp chẳng thấy định tướng. Nay thiện nam! Ví như hang núi, nhân tiếng mà có âm vang. Trẻ con nghe âm vang cho là tiếng thật. Người có trí biết được đó không thật mà chỉ có tướng của tiếng lừa dối nhận thức của tai. Nay thiện nam! Tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác đối với tất cả các pháp cũng như vậy, thấy có định tướng. Các vị Bồ-tát hiểu rõ các pháp đều không định tướng mà là tướng vô thường, tướng không tịch, tướng không sinh diệt v.v... Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát thấy tất cả các pháp là tướng vô thường. Nay thiện nam! Cũng có định tướng. Sao gọi là định? Thường, lạc, ngã, tịnh. Ở tại đâu? Đó là Niết-bàn. Nay thiện nam! Quả Tu-đà-hoàn cũng lại bất định. Vì chẳng quyết định nên họ trải qua tám vạn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quả Tư-đà-hàm cũng lại bất định. Vì chẳng quyết định nên họ trải qua sáu vạn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác. Quả A-na-hàm cũng lại bất định. Vì chẳng quyết định nên họ trải qua bốn vạn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quả A-la-hán cũng lại bất định. Vì chẳng quyết định nên họ trải qua hai vạn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đạo Phật-bích-chi cũng lại bất định. Vì chẳng quyết định nên họ trải qua mười ngàn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Như Lai hôm nay ở trong rừng Ta-la song thọ tại thành Câu-thi-na này thị hiện nằm tựa vào giường sư tử, muốn vào Niết-bàn khiến cho những chúng đệ tử chưa được quả A-la-hán và các lực sĩ sinh ra khổ não lớn, cũng khiến cho hàng trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v... thiết đại lễ cúng dường và muốn khiến cho mọi người dùng một ngàn tấm vải trắng quấn bọc thân Như Lai, dùng bảy báu làm áo quan đựng đầy dầu thơm, gom chứa gỗ thơm, dùng lửa để thiêu đốt, chỉ trừ hai tấm chẳng thể đốt được, một là tấm bọc xác thân, hai là tấm ở ngoài cùng, cũng vì các chúng sinh phân tán xá lợi làm tám phần. Tất cả đệ tử Thanh văn có mặt đều cho rằng, Như Lai vào Niết-bàn. Ông phải biết Như Lai cũng chẳng nhất định vào Niết-bàn. Vì sao? Vì Như Lai thường trụ bất biến. Do nghĩa này nên Như Lai Niết-bàn cũng lại bất định. Đây thiện nam! Ông phải biết là, Như Lai cũng lại bất định. Như Lai chẳng phải trời. Vì sao? Vì có bốn thứ trời, một là trời thế gian, hai là trời sinh, ba là trời tịnh, bốn là trời nghĩa. Trời thế gian là như các quốc vương. Trời sinh là, từ Tứ thiên vương cho đến trời Phi hữu tướng phi vô tướng. Trời tịnh là, từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi. Trời nghĩa là Đại Bồ-tát Thập Trụ v.v... Vì nghĩa gì mà Bồ-tát Thập Trụ gọi là trời nghĩa? Do Bồ-tát Thập Trụ có thể giải nghĩa các pháp. Sao gọi là nghĩa? Thấy tất cả pháp chính là nghĩa không. Đây thiện nam! Như Lai chẳng phải vua, cũng chẳng phải bốn loại trời cho đến trời Phi hữu tướng phi vô tướng, chẳng phải từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi, Bồ-tát Thập Trụ. Do nghĩa này nên Như Lai chẳng phải là trời. Nhưng các chúng sinh cũng lại xưng Phật đấng Thiên Trung Thiên. Vậy nên Như Lai chẳng phải trời chẳng phải là chẳng phải trời, chẳng phải người chẳng phải là chẳng phải người, chẳng phải quỷ chẳng phải là chẳng

phải quý; chẳng phải địa ngục nga quý sức sinh, chẳng phải là chẳng phải địa ngục nga quý sức sinh; chẳng phải chúng sinh chẳng phải là chẳng phải chúng sinh, chẳng phải pháp chẳng phải là chẳng phải pháp, chẳng phải sắc chẳng phải là chẳng phải sắc, chẳng phải dài chẳng phải là chẳng phải dài, chẳng phải ngắn chẳng phải là chẳng phải ngắn, chẳng phải tướng chẳng phải là chẳng phải tướng, chẳng phải tâm chẳng phải là chẳng phải tâm, chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu, chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng phải huyễn chẳng phải là chẳng phải huyễn, chẳng phải danh chẳng phải là chẳng phải danh, chẳng phải định chẳng phải là chẳng phải định, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải thuyết chẳng phải là chẳng phải thuyết, chẳng phải Như Lai chẳng phải là chẳng phải Như Lai v.v... Do nghĩa này nên Như Lai bất định. Nay thiện nam! Vì sao Như Lai chẳng gọi là trời thế gian? Trời thế gian tức là các vì vua. Như Lai từ lâu ở trong vô lượng kiếp đã bỏ vương vị. Vậy nên Như Lai chẳng phải là vua. Chẳng phải chẳng phải là vua là, Như Lai sinh ra trong vương gia Tịnh Phạn ở thành Ca-tỳ-la. Vậy nên Như Lai chẳng phải chẳng phải là vua. Chẳng phải trời sinh là, Như Lai từ lâu đã lìa khỏi các hữu. Vậy nên Như Lai chẳng phải trời sinh. Chẳng phải chẳng phải là trời sinh. Vì sao? Vì Như Lai lên trời Đâu-suất, xuống cõi Diêm-phù-đề. Vậy nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải trời sinh. Cũng chẳng phải trời tịnh. Vì sao? Vì Như Lai chẳng phải là Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi. Vậy nên Như Lai chẳng phải là trời tịnh. Cũng chẳng phải là chẳng phải trời tịnh. Vì sao? Vì chẳng thể bị nhiễm tám pháp của thế gian, giống như hoa sen chẳng dính nước vẫn đục. Vậy nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải trời tịnh. Cũng chẳng phải trời nghĩa. Vì sao? Vì Như Lai chẳng phải là Bồ-tát Thập Trụ. Vậy nên Như Lai chẳng phải là trời nghĩa. Cũng chẳng phải là chẳng phải trời nghĩa. Vì sao? Vì Như Lai thường tụ mười tám nghĩa không. Vậy nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải trời nghĩa. Như Lai chẳng phải người. Vì sao? Vì Như Lai từ lâu ở trong vô lượng kiếp đã xa lìa cõi của loài người. Vậy nên Như Lai chẳng phải là người. Cũng chẳng phải là chẳng phải người. Vì sao? Vì Như Lai sinh ra ở thành Ca-tỳ-

la nên chẳng phải là chẳng phải người. Như Lai chẳng phải quý. Vì sao? Vì chẳng hại tất cả chúng sinh. Vậy nên Như Lai chẳng phải quý. Cũng chẳng phải là chẳng phải quý. Vì sao? Vì cũng dùng hình dạng quý để giáo hóa chúng sinh nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải quý. Như Lai cũng chẳng phải là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vì sao? Vì Như Lai từ lâu đã xa lìa các nghiệp ác. Vậy nên Như Lai chẳng phải là địa ngục ngạ quỷ súc sinh, cũng chẳng phải là chẳng phải địa ngục ngạ quỷ súc sinh. Vì sao? Vì Như Lai cũng thị hiện thọ thân của ba đường ác để hóa độ chúng sinh. Vậy nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải địa ngục ngạ quỷ súc sinh, cũng chẳng phải chúng sinh. Vì sao? Vì Như Lai từ lâu xa lìa tánh của chúng sinh. Vậy nên Như Lai chẳng phải là chúng sinh. Cũng chẳng phải là chẳng phải chúng sinh. Vì sao? Vì khi diễn nói Như Lai mang tướng chúng sinh. Vậy nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải chúng sinh. Như Lai chẳng phải pháp. Vì sao? Vì các pháp mỗi mỗi đều có tướng sai biệt mà Như Lai chẳng vậy, chỉ có một tướng. Vậy nên Như Lai chẳng phải pháp. Cũng chẳng phải là chẳng phải pháp. Vì sao? Vì Như Lai là pháp giới nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải pháp. Như Lai chẳng phải sắc. Vì sao? Vì đối với mười sắc nhập Như Lai chẳng thủ giữ. Vậy nên Như Lai chẳng phải sắc. Cũng chẳng phải là chẳng phải sắc. Vì sao? Vì thân có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải sắc. Như Lai chẳng phải cao. Vì sao? Vì đoạn trừ các sắc nên Như Lai chẳng phải cao. Cũng chẳng phải là chẳng phải cao. Vì sao? Vì tất cả thế gian không có ai có thể thấy tướng đảnh kế. Vậy nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải cao. Như Lai chẳng phải thấp. Vì sao? Vì từ lâu Như Lai đã xa lìa kiết sử kiêu mạn nên Như Lai chẳng phải thấp. Cũng chẳng phải là chẳng phải thấp. Vì sao? Vì Như Lai vì ông trưởng giả Cù-la-sư thị hiện thân ba thước nên chẳng phải là chẳng phải thấp. Như Lai chẳng phải tướng. Vì sao? Vì từ lâu Như Lai đã xa lìa các tướng của tướng. Vậy nên Như Lai chẳng phải tướng. Cũng chẳng phải là chẳng phải tướng. Vì sao? Vì Như Lai giỏi biết các tướng nên chẳng phải là chẳng phải tướng. Như Lai chẳng phải tâm. Vì sao? Vì là tướng hư không. Vậy nên Như Lai chẳng phải tâm. Cũng chẳng

phải là chẳng phải tâm. Vì sao? Vì có tâm pháp mười lực, cũng có thể biết tâm của chúng sinh khác. Vậy nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải tâm. Như Lai chẳng phải hữu vi. Vì sao? Vì thường, lạc, ngã, tịnh. Vậy nên Như Lai chẳng phải hữu vi. Cũng chẳng phải vô vi. Vì sao? Vì Như Lai có đến, đi, nằm, ngồi và thị hiện Niết-bàn. Vậy nên Như Lai chẳng phải vô vi. Như Lai chẳng phải thường. Vì sao? Vì thân có phần đoạn nên chẳng phải thường. Sao gọi là chẳng phải thường? Vì có biết, mà pháp thường thì không biết giống như hư không. Như Lai có biết nên chẳng phải thường. Sao gọi là chẳng phải thường? Vì nói năng mà pháp thường thì không nói năng giống như hư không. Như Lai có nói năng nên là vô thường, có dòng họ nên gọi là vô thường, có tên họ nên gọi là vô thường. Pháp không dòng họ mới gọi là thường. Hư không thường nên không có dòng họ. Như Lai có họ là Cù-đàm nên vô thường, có cha mẹ nên gọi là vô thường, không cha mẹ thì mới gọi là thường. Hư không thường nên không có cha mẹ. Phật có cha mẹ nên là vô thường. Có bốn oai nghi gọi là vô thường, không có bốn oai nghi mới gọi là thường. Hư không thường nên không có bốn oai nghi, Phật có bốn oai nghi nên là vô thường. Pháp thường trụ không có phương sở. Hư không thường nên không có phương sở. Như Lai xuất hiện tại đất Đông Thiên Trúc, trụ ở thành Xá-bà-đề hay thành Vương-xá nên vô thường. Do nghĩa này nên Như Lai chẳng phải thường. Cũng chẳng phải là chẳng phải thường. Vì sao? Vì sự sinh đoạn trừ vĩnh viễn. Pháp có sinh gọi là vô thường. Pháp không sinh mới gọi là thường. Như Lai không sinh vậy nên là thường. Pháp thường không tánh, pháp có tánh thì gọi là vô thường. Như Lai không sinh, không tánh, mà không sinh, không tánh nên là thường. Pháp hữu thường cùng khắp tất cả chỗ giống như hư không không chỗ nào mà không có. Như Lai cũng vậy, cùng khắp tất cả chỗ. Vậy nên Như Lai là thường. Pháp vô thường, hoặc nói đây có, hoặc nói kia không. Như Lai chẳng vậy, chẳng thể nói rằng, chỗ này có, chỗ kia không. Vậy nên Như Lai là thường. Pháp vô thường có khi là có, có khi là không. Như Lai chẳng phải vậy, có khi là có, có khi là không. Vậy nên Như Lai là thường. Pháp thường trụ không danh, không sắc. Hư không thường nên không danh, không sắc. Như

Lai cũng vậy, không danh, không sắc. Vậy nên Như Lai là thường. Pháp thường trụ không nhân không quả. Hư không thường nên không nhân không quả. Như Lai cũng vậy, không nhân không quả. Vậy nên Như Lai là thường. Pháp thường trụ chẳng thuộc ba đời. Như Lai cũng vậy, chẳng thuộc ba đời. Vậy nên Như Lai là thường. Như Lai chẳng phải huyễn. Vì sao? Vì vĩnh viễn đoạn trừ tất cả lòng hư dối. Vậy nên Như Lai chẳng phải huyễn, cũng chẳng phải là chẳng phải huyễn. Vì sao? Vì Như Lai, hoặc khi phân một thân này làm vô lượng thân. Rồi vô lượng thân lại làm thành một thân, đi xuyên qua tường vách mà không có chướng ngại, đi trên nước như trên đất, vào trong đất như trong nước, đi trên không như trên mặt đất, thân tuôn ra khói lửa như đám lửa lớn, mây sấm chấn động, âm thanh đáng sợ. Hoặc làm ra thành ấp, xóm làng, nhà cửa, núi sông, cây cối, hoặc tạo nên thân lớn, hoặc hóa làm thân nhỏ, thân trai, thân gái, thân bé trai, thân bé gái. Vậy nên Như Lai cũng chẳng phải là chẳng phải huyễn. Như Lai chẳng phải định. Vì sao? Vì Như Lai ở rừng Ta-la song thọ tại thành Câu-thi-na thị hiện vào Niết-bàn. Vậy nên Như Lai chẳng phải định. Cũng chẳng phải là chẳng phải định. Vì sao? Vì thường, lạc, ngã, tịnh nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải định. Như Lai chẳng phải hữu lậu. Vì sao? Vì Như Lai đoạn trừ ba lậu nên chẳng phải là hữu lậu. Ba lậu là, tất cả phiền não của Dục giới trừ vô minh thì đó gọi là dục lậu. Tất cả phiền não của Sắc giới và Vô sắc giới trừ vô minh thì đó gọi là Hữu lậu. Vô minh của ba cõi gọi là vô minh lậu. Như Lai đoạn trừ vĩnh viễn ba lậu, vậy nên chẳng phải lậu. Lại nữa, tất cả phàm phu chẳng thấy hữu lậu. Sao gọi là phàm phu chẳng thấy hữu lậu? Tất cả phàm phu đối với đời vị lai đều có tâm nghi là trong đời vị lai sẽ có thân chăng? Chẳng có thân chăng? Trong đời quá khứ, thân vốn có chăng? Vốn không chăng? Trong đời hiện tại, thân này có chăng? Thân này không chăng? Nếu có ngã thì là sắc chăng? Chẳng phải sắc chăng? Sắc chẳng phải sắc chăng? Chẳng phải sắc chẳng phải chẳng phải sắc chăng? Tưởng chăng? Chẳng phải tưởng chăng? Tưởng chẳng phải tưởng chăng? Chẳng phải tưởng chẳng phải chẳng phải tưởng chăng? Thân này thuộc về người khác chăng? Chẳng thuộc về người khác chăng? Thuộc chăng?



thuộc về người khác chăng? Chẳng phải thuộc chẳng phải chẳng phải thuộc về người khác chăng? Có mạng không thân chăng? Có thân không mạng chăng? Có thân có mạng chăng? Không thân không mạng chăng? Thân cùng với mạng có thường chăng? Vô thường chăng? Thường vô thường chăng? Chẳng phải thường chẳng phải vô thường chăng? Thân cùng với mạng tự tại tạo tác chăng? Thời tiết tạo tác chăng? Vô nhân tạo tác chăng? Thể tánh tạo tác chăng? Vì trần tạo tác chăng? Pháp chẳng phải pháp tạo tác chăng? Sĩ phu tạo tác chăng? Phiền não tạo tác chăng? Cha mẹ tạo tác chăng? Trụ ở tâm chẳng trụ trong mắt chăng? Đây khắp trong thân chăng? Từ đâu đến? Rồi đi về đâu? Ai sinh? Ai chết? Ở quá khứ là dòng Bà-la-môn chăng? Là dòng Sát-lợi chăng? Là dòng Tỳ-xá chăng? Là dòng Thủ-đà-la chăng? Ở đời vị lai sẽ được dòng gì? Thân này của ta, lúc quá khứ là thân nam, là thân nữ, là thân súc sinh chăng? Nếu ta sát sinh thì sẽ có tội hay không có tội? Cho đến uống rượu thì sẽ có tội hay không có tội? Ta tự làm hay vì người khác làm? Ta thọ báo hay thân thọ báo? Vô lượng phiền não của những nghi kiến như vậy che phủ tâm của chúng sinh. Nhân những nghi kiến này nên sinh ra sáu thứ tâm: Quyết định có ngã, quyết định không ngã, ngã thấy là ngã ngã, ngã thấy là vô ngã, vô ngã thấy là ngã, ngã tác, ngã thọ, ngã tri. Đó gọi là tà kiến. Như Lai vĩnh viễn bứng bỏ cội rễ của vô lượng kiến lậu như vậy. Vậy nên Như Lai chẳng phải lậu. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong Đại Niết-bàn tu Thánh hạnh thì cũng được vĩnh viễn đoạn trừ những lậu như vậy. Chư Phật Như Lai thường tu Thánh hạnh nên vô lậu.

Nay thiện nam! Phạm phu chẳng thể khéo khâu giữ năm căn nên có ba lậu, bị sự dẫn dắt của ác đến chỗ bất tịnh. Nay thiện nam! Ví như con ngựa dữ, tánh ngang bướng của nó có thể đưa người cỡi đến chỗ hiểm nguy. Người chẳng thể khéo khâu giữ năm căn cũng như vậy, khiến cho người xa lìa đường thiện Niết-bàn đi đến các chỗ ác. Ví như con voi dữ, chưa thuần mà có người cỡi nó thì chẳng đi theo ý mình mà nó sẽ lìa xa thành ấp, đi đến chỗ trống không. Người chẳng thể khéo khâu giữ năm căn này cũng như vậy, sẽ đem người rời xa thành ấp Niết-bàn đi đến chỗ đồng hoang sinh tử. Nay thiện

nam! Ví như người nịnh thần xúi vua làm ác. Nịnh thần năm căn cũng như vậy, thường sử chúng sinh tạo ác không lường. Nay thiện nam! Ví như người con ác chẳng chịu nghe lời dạy bảo của cha mẹ, sư trưởng, thì không ác nào chẳng làm. Chẳng điều phục năm căn cũng như vậy, chẳng chịu nghe lời dạy bảo thiện của sư trưởng thì không ác nào chẳng làm. Nay thiện nam! Người phạm phu chẳng trâu giữ năm căn thường bị giặc địa ngục, nạ quỷ và súc sinh làm hại, cũng như giặc cướp hại người tốt. Nay thiện nam! Người phạm phu chẳng trâu giữ năm căn để giông ruổi theo năm trần thì ví như người chăn trâu chẳng khéo giữ gìn để trâu xâm phạm lúa má của người. Người phạm phu chẳng trâu giữ năm căn thường ở tại các cõi, chịu nhiều khổ não. Nay thiện nam! Khi Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn hành Thánh hạnh thì thường có thể giới điều phục trâu giữ năm căn, kinh sợ tham dục, sân hận, ngu si, kiêu mạn, ganh ghét... để được tất cả pháp thiện. Nay thiện nam! Nếu người có thể khéo giữ năm căn này thì có thể trâu giữ tâm. Nếu có thể trâu giữ tâm thì trâu giữ được năm căn. Ví như có người ủng hộ vua thì ủng hộ đất nước, người ủng hộ đất nước thì ủng hộ nhà vua. Đại Bồ-tát cũng như vậy, nếu được nghe kinh Đại Niết-bàn thì được trí tuệ, mà được trí tuệ thì được chuyên niệm. Năm căn nếu tán loạn thì chánh niệm có thể dừng. Vì sao? Vì niệm là tuệ. Nay thiện nam! Ví như người chăn trâu giỏi, giả sử trâu chạy đây đó ăn lúa má của người khác thì liền có thể ngăn chặn lại, chẳng cho xâm phạm. Đại Bồ-tát cũng như vậy, nhân duyên niệm tuệ nên trâu giữ năm căn chẳng cho giông ruổi, tán loạn. Đại Bồ-tát có niệm tuệ thì chẳng thấy tướng của ngã, chẳng thấy tướng của ngã sở, chẳng thấy chúng sinh và sự thọ dụng, thấy tất cả pháp đồng tướng pháp tánh sinh ra tướng đất, đá, sành, sỏi. Ví như nhà cửa từ mọi duyên sinh ra, không có định tánh. Đại Bồ-tát thấy các chúng sinh là sự hợp thành của bốn đại, năm ấm, truy tìm không có định tánh. Vì không định tánh nên Bồ-tát ở trong đó chẳng sinh tham đắm. Tất cả phạm phu thấy có chúng sinh nên khởi lên phiền não. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn có niệm tuệ nên đối với các chúng sinh chẳng sinh tham đắm. Lại nữa, Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn thì chẳng tham đắm tướng chúng sinh khởi lên đủ

thứ pháp tướng. Nay thiện nam! Ví như họa sĩ dùng mọi thứ màu sắc vẽ ra mọi hình tượng, hoặc nam hoặc nữ, hoặc trâu, hoặc ngựa. Kẻ phàm phu không biết, nhìn thấy những hình tượng đó thì sinh ra tướng trai gái v.v... Còn họa sĩ rõ biết là không có tướng trai, gái. Đại Bồ-tát cũng như vậy, đối với tướng sai khác của pháp vẫn xem thấy một tướng, chẳng bao giờ sinh ra tướng chúng sinh. Vì sao? Vì Bồ-tát có niệm tuệ. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, hoặc khi nhìn thấy người con gái đẹp chẳng bao giờ sinh lòng tham đắm. Vì sao? Vì khéo quan sát tướng. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát biết pháp năm dục không có niềm vui, chẳng được tạm dừng như chó gặm xương khô, như người cầm lửa đi ngược gió, như rắn độc trong hòm, như cửa được trong mơ, như cây trái ven đường bị nhiều người hái, như miếng thịt bị bầy chim tranh giành nhau, như bọt nước, như nét vẽ trên nước, như dẹt hết chỉ, như người tù đi đến chợ, giống như mượn thế lực chẳng được lâu dài. Quan sát dục có nhiều những lỗi xấu như vậy. Lại nữa, nay thiện nam! Đại Bồ-tát quan sát các chúng sinh vì nhân duyên sắc, hương, vị, xúc nên từ vô lượng vô số kiếp đến nay thường chịu khổ não. Mỗi một chúng sinh, trong một kiếp đã tích góp xương của bản thân như núi Tỳ-phú-la ở thành Vương-xá, đã uống nước sữa như nước bốn biển, máu của thân chảy ra lại nhiều như nước bốn biển, nước mắt chảy ra khi khóc cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc mạng chung nhiều như nước bốn biển lớn, chặt hết cỏ cây trên đất làm thẻ để tính số cha mẹ cũng chẳng thể hết, từ vô lượng kiếp đến nay, hoặc ở tại địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh đã chịu hành khổ chẳng thể kể xiết. Vô đại địa này thành hòn giống như quả táo thì dễ có thể hết được, nhưng sinh tử vô lượng chẳng thể hết được. Đại Bồ-tát quán sâu tất cả chúng sinh như thế vì nhân duyên dục nên thọ khổ không lường. Bồ-tát quan sát hành khổ sinh tử này nên chẳng mất niệm tuệ. Nay thiện nam! Ví như thế gian có một số người rất đông, đứng đầy cả hai mươi lăm dặm. Nhà vua ra lệnh một người bễ tôi bưng một bát dầu, đi qua số người ấy mà không cho nghiêng đổ. Nếu người đó làm rớt ra một giọt dầu thì bị chém. Vua lại sai một người cầm đao theo sau mà khùng bố người bưng dầu. Người bễ tôi nhận lệnh của vua hết lòng kiên trì, đi qua giữa đại chúng ấy. Tuy thấy

năm dục vừa ý nhưng lòng luôn nghĩ: “Nếu ta buông lung tham đắm những tà dục kia, phải bỏ sự kiên trì thì mạng chẳng được an toàn”. Người đó nhờ nhân duyên sợ này nên chẳng làm rớt một giọt dầu. Đại Bồ-tát cũng như vậy, ở trong sinh tử chẳng đánh mất niệm tuệ. Do chẳng đánh mất nên Bồ-tát tuy thấy năm dục nhưng lòng chẳng tham đắm, hoặc thấy sắc đẹp chẳng sinh tướng sắc, chỉ quan sát tướng khổ cho đến tướng thức cũng như vậy, chẳng tạo tác tướng sinh, chẳng tạo tác tướng diệt, chẳng tạo tác tướng nhân duyên mà chỉ quan sát tướng hòa hợp. Bây giờ, Bồ-tát năm căn thanh tịnh mà căn thanh tịnh thì hộ căn giới đầy đủ. Tất cả phàm phu, năm căn chẳng tịnh, chẳng khéo giữ gìn nên gọi là căn lậu. Bồ-tát đoạn trừ vĩnh viễn điều đó nên vô lậu. Như Lai nhỏ bật cội rễ, đoạn trừ vĩnh viễn, vậy nên chẳng phải lậu. Lại nữa, này thiện nam! Lại có xa lìa khỏi lậu. Đại Bồ-tát vì muốn quả Phật cam lồ vô thượng nên lìa khỏi lậu ác. Thế nào là lìa? Nếu có thể tu hành kinh Đại Niết-bàn, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, tư duy ý nghĩa thì đó gọi là lìa. Vì sao? Này thiện nam! Vì ta đều chẳng thấy mười hai bộ loại kinh điển có thể lìa khỏi lậu ác như kinh Đại Niết-bàn Phương Đẳng này. Này thiện nam! Ví như vị lương y dạy các đệ tử. Trong các đệ tử có người thọ giáo, lòng chẳng tạo ác. Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn cũng như vậy, lòng chẳng tạo ác. Này thiện nam! Ví như thế gian có thứ chú thuật hay, nếu có người nghe một lần thì bảy năm sau đó chẳng bị trúng tất cả thuốc độc, rắn độc chẳng thể cắn. Nếu có người tụng chú ấy thì cho đến trọn đời, không có mọi thứ ác. Này thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn này cũng như vậy, nếu có chúng sinh, một lần nghe kinh này thì bảy kiếp về sau chẳng rơi vào đường ác. Nếu có người ghi chép, đọc tụng, giảng nói, suy nghĩ về nghĩa kinh ấy thì nhất định được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được thấy Phật tánh, như vị Thánh vương kia được vị cam lồ. Này thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn này có vô lượng công đức như vậy v.v. Này thiện nam! Nếu có người có thể sao chép kinh này, đọc tụng, giảng nói, vì người khác trình bày và suy nghĩ về nghĩa của kinh thì phải biết người đó chân thật là đệ tử của Ta, khéo nghe lời dạy bảo của Ta. Đó là sở kiến của Ta, sở niệm của Ta. Người đó biết chắc chắn

là Ta chẳng Niết-bàn. Tùy theo chỗ ở của người này, hoặc thành ấp, xóm làng, núi rừng, đồng hoang, nhà cửa, ruộng đất, lầu gác, cung điện v.v... Ta cũng thường trụ ở trong những chỗ đó, chẳng di dời. Ta đối với người này thường làm người thọ thí, hoặc làm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Bà-la-môn, Phạm chí, người đi xin nghèo cùng. Làm thế nào khiến cho người đó biết được Như Lai nhận phẩm vật bố thí ấy? Đây thiện nam! Người đó, ở trong đêm ngủ nằm mơ, mơ thấy hình dáng Đức Phật, hoặc thấy hình dáng trời, hình dáng Sa-môn, hình dáng quốc chủ, hình dáng Thánh vương, hình dáng sư tử chúa, hình dáng hoa sen, hình dáng hoa Ưu-đàm, hoặc thấy núi lớn hay nước biển cả, hoặc thấy mặt trời, mặt trăng, hoặc thấy hình dáng voi trắng, hình dáng ngựa trắng, hoặc thấy cha mẹ, hoặc thấy được hoa, được trái, được vàng, được bạc, lưu ly, pha lê v.v... các thứ báu, được năm thứ vị của sữa bò. Bấy giờ thì biết là Như Lai đã nhận sự bố thí của người ấy. Người đó tỉnh dậy rồi, liền được đủ thứ vật cần dùng, lòng chẳng nghĩ ác, ưa tu pháp thiện. Đây thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn này có thể thành tựu vô lượng vô biên vô số công đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy. Đây thiện nam! Ông nay nên phải tin thọ lời nói của Ta. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy Ta, muốn cung kính Ta, muốn đồng pháp tánh mà thấy được Ta, muốn được định không, muốn thấy thật tướng, muốn được tu tập định Thủ-lăng-nghiêm, định Sư tử vương, muốn phá tan tám ma: đó là bốn ma và vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; muốn được niềm vui trong loài người trên cõi trời, thì thấy có người thọ trì kinh Đại Niết-bàn, sao chép, đọc tụng, vì người khác giảng nói, suy nghĩ về nghĩa lý, phải đi đến thân cận, nương kê, hỏi han thỉnh thọ, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi, vì người đó rửa tay chân, bố trí giường chiếu, cung cấp bốn sự cúng dường khiến cho người đó không thiếu thốn thứ gì. Nếu người đó từ xa đi lại thì nên nghênh đón trước mười do-tuần trên đường đi. Vì kinh này nên phải dùng những vật quý trọng để dâng cúng. Nếu như không có gì thì nên tự bán thân. Vì sao? Vì kinh này khó gặp hơn cả hoa Ưu-đàm. Đây thiện nam! Ta nhớ ở đời quá khứ vô lượng vô biên na-do-tha kiếp, bấy giờ có thể giới tên là Ta-bà, có Đức Phật Thế Tôn hiệu là Thích Ca Mâu Ni

Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, vì các đại chúng tuyên nói kinh Đại Niết-bàn này. Ta, bấy giờ, từ chỗ bạn lành nghe được Đức Phật đó sẽ vì đại chúng nói kinh Đại Niết-bàn. Ta nghe thế rồi, trong lòng hoan hỷ, muốn thiết lễ cúng dường những nhà nghèo không có vật gì. Ta muốn tự bán thân nhưng bạc phước chẳng bán được, liền muốn trở về nhà. Trên đường về gặp một người, Ta liền nói: “Tôi muốn bán thân, ông có thể mua chăng?”. Người ấy đáp: “Việc làm của nhà ta, không ai kham được. Nếu người có thể làm thì ta sẽ mua”. Ta liền đáp: “Phải làm việc gì mà người không thể làm được?”. Người ấy đáp: “Ta có bệnh ác, lương y xử lý thuốc là cần phải mỗi ngày ăn ba lạng thịt người. Nếu người có thể ngày ngày lấy ba lạng thịt của thân cung cấp cho ta thì ta sẽ cho người năm xâu tiền vàng”. Khi Ta nghe rồi, trong lòng hoan hỷ, liền nói: “Ông cho tôi tiền và cho tôi hẹn lại sau bảy ngày, khi công việc cần làm xong, tôi sẽ trở lại”. Người ấy nói: “Bảy ngày thì không thể. Có thể xét lại cho ông một ngày”. Nay thiện nam! Khi ấy, Ta liền nhận lấy tiền, trở lại đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lễ dưới chân Ngài, đem hết tiền sẵn có ấy mà dâng cúng, rồi sau đó thành tâm thính thọ kinh này. Lúc ấy, Ta ám độn, tuy được nghe kinh nhưng chỉ có thể thọ trì một bài kệ:

*Như Lai chứng Niết-bàn  
Vĩnh viễn đoạn sinh tử  
Nếu lắng nghe hết lòng  
Thường được vui vô lượng.*

Nhận bài kệ này rồi, Ta liền trở lại đến nhà người bệnh kia. Nay thiện nam! Khi ấy tuy ngày ngày cho ba lạng thịt nhưng do nhân duyên niệm kệ nên chẳng lấy làm đau đớn, ngày ngày chẳng bỏ, đủ đầy một tháng. Nay thiện nam! Do nhân duyên này mà bệnh ông ấy được chữa khỏi, thân Ta bình phục, cũng không lở loét. Ta thấy thân đầy đủ, nguyên vẹn, liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hiệu lực của một bài kệ mà còn như vậy, huống gì là thọ trì, đọc tụng đầy đủ. Ta thấy kinh này có lợi như vậy lại phát tâm bội

phần. Ta nguyện vào đời vị lai, thành Phật đạo hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Này thiện nam! Do nhân duyên diệu lực của một bài kệ nên khiến cho Ta ngày hôm nay, ở trong đại chúng, vì những hàng trời, người tuyên nói đầy đủ kinh này. Này thiện nam! Do nhân duyên này nên kinh Đại Niết-bàn chẳng thể nghĩ bàn, thành tựu vô lượng vô biên công đức và chính là tạng bí mật thâm diệu của chư Phật Như Lai. Do ý nghĩa này nên người hay thọ trì thì đoạn lìa lậu ác. Những điều mà gọi là ác đó là voi dữ, ngựa chướng, bò dữ, chó dữ, rắn độc..., gai độc, vực núi cheo leo, bờ hiểm, nước xoáy chảy mạnh, người ác, nước ác, thành ác, nhà ác, bạn ác v.v... Những thứ ác như vậy, nếu làm nhân hữu lậu thì Bồ-tát liền lìa khỏi, nếu chẳng thể làm thì chẳng xa lìa. Nếu tăng thêm hữu lậu thì liền lìa khỏi, nếu chẳng tăng thêm thì chẳng xa lìa. Nếu làm pháp ác thì liền lìa khỏi, nếu có thể làm pháp thiện thì chẳng xa lìa. Sao gọi là lìa? Chẳng nắm giữ dao gậy, thường dùng phương tiện chánh tuệ mà xa lìa những chỗ đó. Vậy nên gọi là chánh tuệ xa lìa, vì sinh pháp thiện thì xa lìa pháp ác. Đại Bồ-tát tự quan sát thân mình như bệnh, như ghẻ lở, như ung nhọt, như oán thù, như tên cắm vào thân thể chính là khối khối lớn, chính là căn bản của tất cả thiện ác. Thân này tuy bất tịnh như vậy nhưng Bồ-tát vẫn chăm sóc nuôi dưỡng. Vì sao? Chẳng phải vì tham thân mà vì pháp thiện, vì đến với Niết-bàn chẳng vì sinh tử; vì thường, lạc, ngã, tịnh mà chẳng vì vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; vì đạo Bồ-đề chẳng vì đạo hữu vi, vì Nhất thừa chẳng vì Tam thừa, vì thân vi diệu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp mà chẳng vì cho đến thân của trời Phi hữu tướng phi vô tướng, vì Pháp luân vương chẳng vì Chuyển luân vương. Này thiện nam! Đại Bồ-tát luôn phải hộ thân. Vì sao? Vì nếu chẳng hộ thân thì chẳng toàn mạng. Mạng nếu chẳng toàn thì chẳng thể được sao chép kinh này để thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói, suy nghĩ về nghĩa kinh ấy. Vậy Bồ-tát nên khéo hộ thân. Do nghĩa này nên Bồ-tát lìa khỏi được tất cả lậu ác. Này thiện nam! Như muốn qua sông thì phải khéo giữ gìn thuyền bè, người đi đường khéo chăm lo ngựa tốt, nhà nông gieo trồng khéo giữ gìn phân bón, như vì chữa khỏi độc thì khéo giữ gìn rắn độc, như người vì của cải nên bảo hộ Chiên-đà-la,

vì phá giấc nên nuôi kiện tướng, cũng như người lạnh thích giữ lửa, như người bệnh hủi thì cầu thuốc độc. Đại Bồ-tát cũng như vậy, tuy thấy thân này đầy đủ vô lượng bất tịnh, nhưng vì muốn thọ trì kinh Đại Niết-bàn nên vẫn chăm sóc tốt chẳng để thiếu thốn. Đại Bồ-tát quan sát con voi dữ và bạn xấu ngang bằng nhau không có hai. Vì sao? Vì chúng đều hủy hoại thân. Đại Bồ-tát đối với voi dữ lòng không kinh sợ, nhưng đối với bạn xấu thì sinh lòng kinh sợ. Vì sao? Vì voi dữ này chỉ có thể hoại thân, chẳng có thể hoại tâm, còn bạn xấu ác thì hủy hoại cả hai. Voi dữ này chỉ hoại một thân, còn người bạn xấu thì hủy hoại vô lượng thân, vô lượng tâm. Voi dữ này chỉ có thể phá hoại tám thân hôi thối bất tịnh, còn người bạn xấu thì có thể hoại thân thanh tịnh và cả tâm thanh tịnh. Voi dữ này có thể hoại nhục thân, còn bạn xấu thì hoại đến pháp thân. Bị voi dữ giết chết thì chẳng đến ba đường, còn bị bạn xấu giết thì nhất định đến ba đường. Voi dữ chỉ là oán của thân, còn bạn xấu là kẻ oán của pháp thiện. Vậy nên Bồ-tát thường phải xa lìa những bạn ác. Những lậu như vậy v.v... phạm phu chẳng lìa khỏi, nên họ sinh ra lậu hoặc. Bồ-tát lìa khỏi những lậu đó thì chẳng sinh ra lậu hoặc. Như vậy Bồ-tát còn không có lậu hoặc, huống gì là Như Lai. Vậy nên Như Lai chẳng còn lậu hoặc. Sao gọi là thân cận lậu? Tất cả phạm phu thọ nhận y phục, thức ăn, ngọa cụ, y dược là vì sự ưa thích của thân tâm. Vì cầu những vật như vậy, nên tạo ra đủ thứ ác, chẳng biết tội lỗi luân hồi ba đường. Vậy nên gọi là lậu. Đại Bồ-tát thấy tội lỗi như vậy thì liền lìa xa. Nếu khi cần y phục thì Bồ-tát liền nhận lấy, chẳng vì bản thân mà chỉ vì pháp, chẳng tăng trưởng kiêu mạn, lòng thường khiêm hạ, chẳng vì nghiêm sức chỉ vì xấu hổ, ngăn sự lạnh nóng, gió độc, mưa dữ, trùng độc, muỗi, nhặng, ruồi, bọ chét, rắn độc. Bồ-tát tuy nhận thức ăn uống nhưng lòng không tham đắm, chẳng vì thân thường chỉ vì chánh pháp, chẳng vì hình thể bề ngoài chỉ vì chúng sinh, chẳng vì kiêu mạn mà vì thân lực, chẳng vì oán hại mà vì trị bệnh đói. Tuy được vị ngon nhưng lòng không tham đắm. Bồ-tát thọ nhận phòng nhà cũng như vậy, tâm không còn những kiết sử tham đắm, kiêu mạn. Vì nhà Bồ-đề ngăn chặn giấc kiết sử, vì ngăn gió mưa dữ nên Bồ-tát nhận lấy nhà cửa. Bồ-tát tuy cầu y dược mà lòng không tham



đấm, kiêu mạn, chỉ vì chánh pháp, chẳng vì thọ mạng, chẳng vì mạng sống bình thường. Nay thiện nam! Như người bệnh ghẻ lở, lấy thuốc bột đắp lên, dùng vải bó lại. Vì rút máu mủ nên dùng bột khô đắp lên, vì muốn ghẻ lở lành nên dùng bột thuốc bôi vào, vì gió dữ nên ở tận trong nhà sâu. Đại Bồ-tát cũng như vậy, quan sát thân là đồ ghẻ lở nên dùng áo che đây, vì chín lỗ rỉ chảy nên tìm kiếm ăn uống, vì gió mưa hung dữ nên nhận lấy nhà cửa, vì bốn độc phát ra nên tìm cầu y dược. Bồ-tát nhận lấy bốn sự cúng dường là vì đạo Bồ-đề, chẳng phải vì thọ mạng. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát nghĩ thế này: “Ta, nếu chẳng nhận bốn việc cúng dường này thì thân bị tiêu mòn, chẳng được bền chắc. Nếu thân chẳng bền chắc thì chẳng nhịn được khổ. Nếu chẳng nhịn được khổ thì chẳng thể tu tập pháp thiện. Nếu có thể chịu đựng được khổ thì có thể tu tập được vô lượng pháp thiện. Nếu ta chẳng thể đủ sức chịu đựng mọi khổ thì đối với việc thọ khổ sinh lòng sân giận, đối với việc thọ lạc sinh lòng tham đắm. Nếu cầu lạc chẳng được thì sinh ra vô minh. Vậy nên phàm phu đối với bốn việc cúng dường sinh ra hữu lậu”. Đại Bồ-tát có thể quan sát sâu nên chẳng sinh ra hữu lậu. Vậy nên Bồ-tát gọi là vô lậu thì sao gọi Như Lai là hữu lậu được? Vậy nên Như Lai chẳng gọi là hữu lậu.

Lại nữa, này thiện nam! Tất cả phàm phu tuy khéo hộ thân nhưng tâm vẫn còn sinh ra ba thứ ý tưởng ác. Do nhân duyên này nên tuy đoạn trừ phiền não, được sinh lên cõi Phi tưởng phi phi tưởng, nhưng còn phải trở lại rơi vào ba đường ác. Này thiện nam! Ví như có người qua biển cả, sắp đến bờ bên kia mà bị chết đuối. Người phàm phu cũng như vậy, sắp tận cùng ba cõi nhưng trở lại rơi vào ba đường. Vì sao? Vì không có ý tưởng thiện. Những gì là ý tưởng thiện? Đó là sáu niệm xứ. Người phàm phu tâm thiện còn cõi, bất thiện bưng bưng. Tâm thiện còn cõi nên tâm tuệ mỏng manh. Tâm tuệ mỏng manh nên tăng trưởng các lậu. Đại Bồ-tát mất tuệ thanh tịnh thấy lỗi lầm của ba ý tưởng ác. Biết ba ý tưởng ác này có đủ thứ tai họa, thường cùng với chúng sinh tạo tác oán kết đối với ba thừa. Do ba ý tưởng ác mới khiến cho vô lượng chúng sinh phàm phu chẳng thấy Phật tánh, ở trong vô lượng kiếp sinh tâm điên đảo, cho là Phật Thế Tôn không thương, lạc, ngã mà chỉ có một tịnh thôi, Như

Lai rớt vào Niết-bàn. Tất cả chúng sinh vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, nhưng lòng họ điên đảo nên cho rằng có thường, lạc, ngã, tịnh. Thật ra không có Tam thừa nhưng do tâm điên đảo nên nói rằng có Tam thừa. Đạo Nhất thật là chân thật chẳng hư dối, nhưng do tâm điên đảo nên nói rằng không có đạo Nhất thật. Ba ý tưởng ác này thường bị sự quở trách của chư Phật và các vị Bồ-tát. Ba ý tưởng ác này thường hại mình và cũng hại đến người khác. Có ba ý tưởng ác này thì tất cả các ác thường đến làm tùy tùng. Ba ý tưởng ác này tức là ba sự trói buộc, nối liền chúng sinh với vô biên sinh tử. Đại Bồ-tát thường tạo tác sự quan sát ba ý tưởng ác như vậy. Hoặc khi Bồ-tát có nhân duyên đáng lẽ sinh ý tưởng dục thì mặc nhiên chẳng thọ. Ví như người đoan chánh tịnh khiết chẳng nhận tất cả phân bản bất tịnh, như không ai nhận lấy hòn sắt nóng, như dòng Bà-la-môn chẳng nhận thịt bò, như người no đủ chẳng nhận thức ăn dở, như vua Chuyển luân chẳng cùng với tất cả Chiên-đà-la ngồi trên một giường. Đại Bồ-tát đối với giấc ba ý tưởng ác chẳng nhận, chẳng tham cũng như vậy. Vì sao? Vì Bồ-tát suy nghĩ: “Chúng sinh biết ta là ruộng phước tốt thì sao ta lại thọ nhận những pháp ác này. Nếu ta thọ ý tưởng ác thì chẳng nhận làm ruộng phước của chúng sinh. Ta tự chẳng nói là ruộng phước tốt mà chúng sinh thấy tướng liền nói, ta là ruộng phước tốt. Nếu nay ta khởi lên ý tưởng ác như vậy tức là lừa dối tất cả chúng sinh. Ta vào thuở xa xưa, vì lừa dối nên đã ở trong vô lượng kiếp lưu chuyển sinh tử, rơi vào ba đường ác. Nếu ta dùng tâm ác để thọ của tín thí thì tất cả hàng trời, người, Tiên nhân ngũ thông đều sẽ chứng biết mà quở trách. Nếu ta có ý tưởng ác mà thọ của tín thí thì hoặc khiến cho quả báo của thí chủ giảm thiểu, hoặc rộng không, không có quả báo. Nếu ta tâm ác mà thọ của đàn-việt bố thí thì cùng với thí chủ kết làm oán thù. Tất cả thí chủ luôn đối với ta khởi tưởng như đứa con yêu thì ta làm sao lừa dối họ mà sinh tưởng oán thù. Vì sao? Vì hoặc khiến cho thí chủ chẳng được quả báo, hoặc quả báo ít. Ta thường tự xưng là người xuất gia, mà xuất gia thì chẳng nên khởi ác, nếu khởi ác thì chẳng phải là xuất gia. Người xuất gia thì thân, miệng tương ứng, nếu chẳng tương ứng thì chẳng phải là xuất gia. Ta bỏ cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc,

bạn bè v.v... xuất gia tu đạo chính là tu tập các ý tưởng thiện, chẳng phải là tu tập ý tưởng bất thiện. Ví như có người vào biển tìm châu báu chẳng chọn lấy chân châu mà chọn lấy thủy tinh, cũng như có người bỏ nghe âm nhạc vi diệu mà vui chơi chỗ phân đờ bản, như bỏ đi người con gái quý báu mà yêu hạng thấp hèn, như bỏ đồ bằng vàng mà dùng chén sành, như bỏ cam lồ mà uống thuốc độc, như bỏ thầy thuốc giỏi hiền lành thân thiết mà lại theo kẻ oán ghét xin thuốc trị liệu cho mình. Ta cũng như vậy, lìa bỏ cam lồ pháp vị của Đại sư Như Lai Thế Tôn mà uống đủ thứ ý tưởng ác của ma oán. Thân người khó được như hoa Ưu-đàm, ta nay đã được. Như Lai khó gặp hơn cả hoa Ưu-đàm, ta nay đã gặp. Pháp bảo thanh tịnh khó được thấy nghe, ta nay đã được nghe, giống như con rùa mù gặp lỗ hổng nơi miếng gỗ nổi trên biển. Mạng người chẳng dừng, qua nhanh như thác đổ. Ngày hôm nay tuy còn nhưng ngày mai cũng khó bảo tồn. Như thế thì sao ta lại buông lòng khiến trụ ở pháp ác? Hình sắc khỏe mạnh chẳng dừng, giống như ngựa chạy nhanh thì sao ỷ lại mà sinh kiêu mạn? Giống như loài quỷ ác rình tìm lỗ lằm của người, quỷ ác bốn đại cũng như vậy, thường đến rình tìm lỗ lằm của ta thì sao lại để cho ý tưởng ác phát khởi. Ví như ngôi nhà mục nát, nóc nhà sắp đổ vỡ, mạng ta cũng vậy thì sao lại khởi ác? Ta mang danh là Sa-môn, mà người Sa-môn gọi là học ý tưởng thiện. Ta nay dấy khởi ý tưởng bất thiện thì làm sao được gọi là Sa-môn? Ta mang danh là xuất gia, mà người xuất gia gọi là người tu đạo thiện. Ta nay làm ác thì sao được gọi là xuất gia? Ta nay mang danh là chân Bà-la-môn, mà Bà-la-môn là người tu tịnh hạnh. Ta nay lại khởi ý tưởng ác bất tịnh thì sao được gọi là Bà-la-môn? Ta nay cũng mang danh là dòng họ lớn Sát-lợi, mà dòng Sát-lợi thì có thể diệt trừ oán địch. Ta nay chẳng thể trừ diệt oán địch ác thì làm sao được gọi là dòng Sát-lợi? Ta mang danh là Tỳ-kheo, mà người Tỳ-kheo thì gọi là người phá phiền não. Ta nay chẳng phá được phiền não ý tưởng ác thì sao được gọi là Tỳ-kheo? Đời có sáu việc khó có thể gặp gỡ được mà ta nay đã được thì sao còn để cho ý tưởng ác ở trong lòng? Những gì là sáu việc? Một là đời có Phật khó gặp, hai là chánh pháp khó được nghe, ba là tâm lo sợ khó khởi, bốn là khó sinh vào đất nước văn

minh, năm là thân người khó được, sáu là các căn khó đủ. Sáu việc khó được như vậy mà đã được, vậy chẳng nên khởi lên ý tưởng ác”. Bấy giờ Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn như vậy, thường siêng quan sát những tâm ác này. Tất cả phàm phu chẳng thấy tội lỗi của tâm ác như vậy nên thọ ba ý tưởng ác, gọi là thọ lậu. Bồ-tát thấy rồi nên chẳng thọ, chẳng tham đắm, buông bỏ, chẳng hộ trì mà nương vào tám thánh đạo xô đuổi chúng đi, chặt đứt chúng. Vậy nên Bồ-tát không có thọ lậu thì tại sao lại nói, Như Lai hữu lậu? Do nghĩa này nên Như Lai Thế Tôn chẳng phải hữu lậu.

